

Bản án số: 43 /2019/ HNGĐ - ST
Ngày 30 - 8- 2019.
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng.
2. Bà Hà Thị Thanh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Kim Hiền – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 235/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc: “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 22/2019/TB-XX ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Đức T, sinh năm 1974; Vắng mặt.
Địa chỉ : Số 7, ngõ 31, Quận H, thành phố Hà Nội.
2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Thu T1, sinh năm 1963. Vắng mặt.
Địa chỉ: Số nhà 95, Tổ C, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn anh Bùi Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Bùi Đức T và chị Phạm Thị Thu T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 30 tháng 6 năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp về tuổi tác, quan hệ xã hội, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn cùng năm 2005 thì ly thân không quan tâm đến nhau.

Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Anh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị T1.

Về con chung: Anh T chị T1 có 01 con chung là cháu: Bùi Phạm Đức A, sinh ngày 10/5/2000 cháu đã thành niên hiện đang học đại học. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Anh T xác định tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn chị Phạm Thị Thu T1 vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Bùi Đức T được ly hôn chị Phạm Thị Thu T1. Anh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh T, chị T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là chị Phạm Thị Thu T1 có hộ khẩu thường trú tại tổ C, phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án về tranh chấp “Ly hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn anh Bùi Đức T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Phạm Thị Thu T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn chị Phạm Thị Thu T1 nhiều lần nhưng chị T1 cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Đức T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “ Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó; Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[3]. Về hôn nhân: Anh Bùi Đức T và chị Phạm Thị Thu T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp anh T và chị T1 đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay không quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh T chị T1 đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ chấp nhận. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình xử cho anh T được ly hôn chị T1.

[3]. Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung là cháu Bùi Phạm Đức A, sinh ngày 10/5/2000 đã thành niên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về chia tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo: Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh T, chị T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 92; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Bùi Đức T được ly hôn chị Phạm Thị Thu T1.

2. Về án phí: Anh Bùi Đức T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004880 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (Anh T đã nộp đủ tiền án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Đức T, chị Phạm Thị Thu T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường Y, TP Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường Yên Ninh, TP Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Tuyến

